

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-12-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 458/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1992; thường trú: thôn B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: số A, đường H, KDC A, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Đặng Thanh T, sinh năm 1989; thường trú: thôn B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: số E, đường số B, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Thanh T sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận số 71 ngày 01/9/2011. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, mặc dù cả hai cùng cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung tên Đặng Thiên K, sinh ngày 13/5/2019 và Đặng Gia H, sinh ngày 11/5/2011. Bà V yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thiên K, còn ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Gia H và không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: bà Nguyễn Thị V không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn ông Đặng Thanh T trình bày:*

Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V.

Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Đặng Thiên K, sinh ngày 13/5/2019 và Đặng Gia H, sinh ngày 11/5/2011. Ông T đồng ý sau ly hôn bà V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thiên K, còn ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Gia H và không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: ông Đặng Thanh T không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và bị đơn ông Đặng Thanh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Thanh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 01/9/2011 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị V xác định sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, mặc dù cả hai cùng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu ly hôn. Còn ông Đặng Thanh T cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của ông, bà không mang lại hạnh phúc cho nhau, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà V yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung và vấn đề cấp dưỡng: quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung là cháu Đặng Thiên K, sinh ngày 13/5/2019 và Đặng Gia H, sinh ngày 11/5/2011. Bà V yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thiên K, còn ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Gia H và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông

T cũng đồng ý theo yêu cầu của bà V nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, đồng thời phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

[4] Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị V chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 316, 317, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều: 9, 55, 81, 82, 83, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc ly hôn, nuôi con với ông Đặng Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Đặng Thanh T (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) cấp ngày 01/9/2011).

- Về con chung: ông Đặng Thanh T có trách nhiệm giao con chung là cháu Đặng Thiên K, sinh ngày 13/5/2019 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng; bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm giao con chung là cháu Đặng Gia H, sinh ngày 11/5/2011 cho ông Đặng Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Thanh T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Thanh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị V phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024904 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho bà Nguyễn Thị V 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy